

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2017/DSST**

Ngày: 21/11/ 2017.

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

2/ Ông Trương Đức Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Giáp Thị Thủy- Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐST-DSTC ngày 09 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Nguyễn Văn V**, sinh năm 1963- Có mặt.

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1973, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 (ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2017), có mặt.

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B.

2. Chị Phạm Ngọc H, sinh năm 1978, vắng mặt.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2017 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày như sau:

Quan hệ giữa ông Nguyễn Văn V và anh Nguyễn Văn Q là quan hệ họ hàng. Ngày 01 tháng 8 năm 2016 (dương lịch) anh Q đến nhà ông V, bà N hỏi vay số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) nói là để về chi tiêu gia đình và đáo hạn ngân hàng. Ông V, bà N đồng ý cho anh Q vay số tiền 15.000.000đ, hai bên đã lập văn bản (giấy biên nhận vay tiền) đề ngày 01/8/2016, giấy vay do anh Q là người viết toàn bộ và ký ở phần “người vay”. Trong giấy vay không ghi thời hạn trả tiền nhưng anh Q có nói với ông V vay mấy ngày thì trả và ghi tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận. Theo đó ông V và anh Q có thỏa thuận miệng về lãi suất vay là 2.000đ/1 triệu/1 ngày. Sau ngày vay được khoảng 10 ngày, do không thấy anh Q trả lại số tiền 15.000.000đ, ông V có lên nhà anh Q đòi lại tiền nhưng anh Q không trả. Ông V xác định từ ngày vay đến nay anh Q có 2 lần trả tiền lãi cho ông V, mỗi lần trả được khoảng vài trăm nghìn số tiền cụ thể ông V không nhớ và hai bên cũng không làm giấy tờ văn bản gì. Còn về số tiền gốc 15.000.000đ ông V đã nhiều lần yêu cầu anh Q trả nhưng đến nay anh Q vẫn chưa trả được cho ông V số tiền này. Vì vậy ông V đã làm đơn khởi kiện đối với anh Q tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Nay ông V đề nghị Tòa án giải quyết để buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H phải trả cho vợ chồng ông V số tiền gốc vay còn nợ là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật. Do ông V không tính được số lãi cụ thể, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh Q và ông Nguyễn Văn V có quan hệ là họ hàng nội tộc. Ngày 01/8/2016 (dương lịch) anh Q có vay của ông V số tiền gốc 15.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận miệng là 800.000đ/1 tháng. Anh Q và ông V có làm giấy tờ biên nhận vay tiền đề ngày 01.8.2016, anh có ký trong giấy vay này. Mục đích anh Q vay số tiền 15.000.000đ của ông V về để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Từ ngày vay anh Q có trả lãi cho ông V được khoảng 5, 6 tháng, mỗi tháng là 800.000đ nhưng hai bên không làm giấy tờ biên nhận gì. Đến nay anh Q xác nhận còn nợ của ông V số tiền gốc là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Ông V có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q, chị H phải trả cho gia đình ông V số tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay là 01/8/2016 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm anh Q nhất trí trả và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N (ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V) trình bày: Bà nhất trí với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn V.

2. Chị Phạm Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy không có lời khai của chị H trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2017 của ông Nguyễn Văn V được xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phạm Ngọc H đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Văn V và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay tiền đề ngày 01/8/2016 (dương lịch), xác nhận là hợp đồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn V yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H phải trả 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tiền gốc còn nợ, thấy rằng: anh Q cũng thừa nhận đã vay của gia đình ông V số tiền 15.000.000đ và đến nay chưa trả nên ông V đã có đơn khởi vợ chồng anh Q, chị H tại Tòa án. Đồng thời anh Q cũng xác định anh vay số tiền 15.000.000đ của ông V về mục đích để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Do vậy, mặc dù chị H (vợ anh Q) không ký vào trong giấy tờ vay tiền và không có lời khai của chị H nhưng căn cứ quy định tại khoản 20 Điều 3, Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H còn nợ của ông Nguyễn Văn V số tiền gốc 15.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 01/8/2016 mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V là có căn cứ, cần buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N số tiền gốc còn nợ là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn V yêu cầu anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H phải thanh toán trả cho ông V, bà N số tiền lãi phát sinh từ ngày vay (là ngày 01/8/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa ông V và anh Q ở thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, vì vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp trong vụ án. Trong vụ án này, mặc dù trong hợp đồng vay

tiền giữa ông V và anh Q không ghi cụ thể về thời hạn trả nợ nhưng cả hai bên đều xác định có thỏa thuận miệng về thời hạn trả. Về lãi suất vay, mặc dù trong hợp đồng vay tiền có ghi lãi suất vay là theo thỏa thuận, tuy nhiên cả ông V và anh Q đều thừa nhận hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất vay, cụ thể: anh Q xác định lãi suất vay là 2.000đ/1 triệu/1 ngày. Từ ngày vay đến nay, anh Q có 2 lần trả tiền lãi cho ông V, mỗi lần trả được khoảng vài trăm nghìn số tiền cụ thể ông V không nhớ và hai bên cũng không làm giấy tờ văn bản gì. Anh Q cũng xác định từ ngày vay anh có trả lãi cho ông V được khoảng 5, 6 tháng, mỗi tháng là 800.000đ nhưng anh và ông V cũng không làm giấy tờ biên nhận gì đến nay anh đồng ý thanh toán trả tiền lãi cho ông V theo quy định của pháp luật. Như vậy, xác định hợp đồng vay tài sản ký kết giữa ông V và anh Q là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất. Do anh Q không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đã thanh toán trả tiền lãi cho ông V được bao nhiêu, ông V xác định anh Q đã trả lãi cho ông V được hai lần mỗi lần vài trăm nghìn nhưng không nhớ cụ thể, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh Q đã thanh toán tiền lãi cho ông V được 2 tháng (từ 01/8/2016 đến 01/10/2016). Ông V, anh Q xác định mặc dù trong hợp đồng không ghi thời hạn trả cụ thể nhưng hai bên có thỏa thuận anh Q vay vài ngày sau thì trả, nên xác định lãi suất trong thời hạn của hợp đồng anh Q đã thanh toán đầy đủ cho ông V, lãi suất anh Q chưa thanh toán cho ông V được xác định là lãi suất quá hạn của hợp đồng. Vì vậy tính từ ngày 02/10/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (21/11/2017) anh Q đã vi phạm vào thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ, vì vậy anh Q, chị H phải chịu lãi suất theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 đối với số tiền anh Q, chị H chậm trả là 15.000.000đ còn nợ của ông V. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (tức 0,75%/tháng). Vì vậy cần tính mức lãi suất là 0,75%/tháng để buộc anh Q, chị H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả toàn bộ tiền lãi cho vợ chồng ông V, bà N kể từ ngày 02/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Như vậy, lãi của hợp đồng vay 15.000.000đ được xác định như sau:

Từ ngày 02/10/2016 đến ngày 21/11/2017 là 13 tháng 19 ngày, số tiền lãi là: $\{(15.000.000đ \times 0,75\% \times 13 \text{ tháng} = 1.462.500đ) + (15.000.000đ \times 0,75\% \times 19 \text{ ngày} : 30 = 71.250đ)\} = \mathbf{1.533.750đ}$ (**Một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng**).

Vì vậy, yêu cầu của ông Nguyễn Văn V yêu cầu anh Nguyễn Văn Q, chị Phạm Ngọc H phải thanh toán lãi của số tiền lãi còn nợ theo quy định của pháp luật được chấp nhận, cần buộc anh Q, chị H phải thanh toán tổng số lãi trên số tiền gốc còn nợ của hợp đồng vay là: **1.533.750đ (Một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)**.

Tổng số tiền gốc và lãi anh Q, chị H phải thanh toán trả cho ông V, bà N là **16.533.750đ (Mười sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)**.

Quan hệ giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H là quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình thì anh Q, chị H phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc và lãi cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N của hợp đồng vay tài sản nêu trên, cụ thể gốc là **15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)**, lãi là: **1.533.750đ (Một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)**. Tổng gốc và lãi là: **16.533.750đ (Mười sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)**.

[3]. Về án phí; yêu cầu của ông Nguyễn Văn V được chấp nhận, vì vậy anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Ngọc H chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 131; Điều 144; Điều 146; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là **15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)**, lãi là: **1.533.750đ (Một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)**. Tổng gốc và lãi là: **16.533.750đ (Mười sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)**.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H phải liên đới chịu 826.700đ (Tám trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn V số tiền 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 478, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản

1 Điều 131; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 3, Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là **15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)**, lãi là: **1.533.750đ (Một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)**. Tổng gốc và lãi là: **16.533.750đ (Mười sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng)**.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q và chị Phạm Ngọc H phải liên đới chịu 826.700đ (Tám trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn V số tiền 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001727 ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục thi hành án;
- L-ư.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn

